CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 314.TOPS/EB/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA – IMEI**
2. Thành phần: Dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (471, 477), chất chống oxy hóa (307b)), trứng, đường, bột mì, bột whey, ca cao mass (6%), sữa bột, chất nhũ hóa (322(i)), hương liệu nhân tạo (vani).
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 57 g, 171 g (3 gói x 57 g) hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.
   - Chất liệu bao bì:
     - Khối lượng tịnh 57 g: Sản phẩm được đặt trong khay nhựa, chứa trong túi nhựa.
     - Khối lượng tịnh 171 g (3 gói x 57 g): Sản phẩm được đặt trong khay nhựa, chứa trong túi nhựa, bên ngoài là hộp giấy.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): I-MEI Foods Co., Ltd. - Tầng 10, số 88, khu 2, đường Tín Nghĩa, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm**: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4,0
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	*Coliforms*	CFU/g	10
3	*E.coli*	MPN/g	3
4	*S. aureus*	CFU/g	10
5	*Cl. perfringens*	CFU/g	10
6	*B.cereus*	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA – IMEI

Thành phần: Dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (471, 477), chất chống oxy hóa (307b)), trứng, đường, bột mì, bột whey, ca cao mass (6%), sữa bột, chất nhũ hóa (322(i)), hương liệu nhân tạo (vani).

Khối lượng tịnh: 57 g

Dùng trực tiếp. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất: 1 năm trước hạn sử dụng

Hạn sử dụng: Xem trên bao bì (năm. tháng. ngày)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG: Tổng số phần ăn: 1; Kích cỡ một phần ăn: 57 g

Thành phần dinh dưỡng trên một phần ăn: Giá trị năng lượng 330 kcal (17%); Chất đạm 6 g (8,6%); Carbohydrate 27 g (8,9%); Đường tổng số 11 g (22%); Chất béo 22 g (39%); Chất béo bão hoà 12 g (60%); Natri 70 mg (3,5%).

Sản xuất bởi: I-MEI Foods Co., Ltd. - Tầng 10, số 88, khu 2, đường Tín Nghĩa, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, số 163 đường Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với trứng, ngũ cốc chứa gluten, sữa và đậu nành.

Số tự công bố: 314.TOPS/EB/2022

BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA – IMEI

Thành phần: Dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (471, 477), chất chống oxy hóa (307b)), trứng, đường, bột mì, bột whey, ca cao mass (6%), sữa bột, chất nhũ hóa (322(i)), hương liệu nhân tạo (vani).

Khối lượng tịnh: 171 g (3 gói x 57 g)

Dùng trực tiếp. Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất: 1 năm trước hạn sử dụng

Hạn sử dụng: Xem trên bao bì (năm. tháng. ngày)

THÔNG TIN DINH DƯỠNG: Tổng số phần ăn: 3; Kích cỡ một phần ăn: 57 g (1 gói)

Thành phần dinh dưỡng trên một phần ăn: Giá trị năng lượng 330 kcal (17%); Chất đạm 6 g (8,6%); Carbohydrate 27 g (8,9%); Đường tổng số 11 g (22%); Chất béo 22 g (39%); Chất béo bão hoà 12 g (60%); Natri 70 mg (3,5%).

Sản xuất bởi: I-MEI Foods Co., Ltd. - Tầng 10, số 88, khu 2, đường Tín Nghĩa, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, số 163 đường Phan Đăng Lưu, P.1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với trứng, ngũ cốc chứa gluten, sữa và đậu nành.

Số tự công bố: 314.TOPS/EB/2022

Commodity: I-MEI Puff (Chocolate)
Ingredients: Vegetable oil (palm oil, rapeseed oil), emulsifiers (mono- and diglycerides of fatty acids, propylene glycol esters of fatty acids), antioxidant (mixed tocopherols concentrate)), Egg, Sugar, Wheat flour, Whey powder, Cocoa mass, Milk powder, Soy lecithin, Artificial vanilla flavoring.
Net weight: 57g (2.01 oz.) Shelf life: One year
Best before: Show on the pack (YYYY.MM.DD)

Manufactured by: I-MEI Foods Co., Ltd.
10F, No. 88, Sec. 2, Hsin-Yi Rd., Taipei, Taiwan
http://www.imeifoods.com
Exclusive U.S. agent: Walong Marketing Inc.
Buena Park, CA 90620, USA
Toll free: (877) 675-8889

Nutrition Facts

1 serving per container
Serving size
1 individual pack (57g)

Calories per serving 330

Amount/serving	% Daily Value*
Total Fat 22g	**28%**
Saturated Fat 12g	**58%**
Trans Fat 0g	
Cholesterol 80mg	**27%**
Sodium 70mg	**3%**

Amount/serving	% Daily Value*
Total Carbohydrate 27g	**10%**
Dietary Fiber 2g	**8%**
Total Sugars 11g	
Includes 9g of Added Sugars	**19%**
Protein 6g	

Vitamin D 0mcg 0% Calcium 110mg 9% Iron 1.1mg 6% Potassium 230mg 5%

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Product of Taiwan

義美小泡芙
巧克力
Since 1934

義美小泡芙
巧克力
Since 1934

品名：義美小泡芙（巧克力）
成分：植物油（棕櫚油、菜籽油、乳化劑、單酯類甘油酯、酯類聚丙二醇酯、抗氧化劑（混合濃縮生育酚））、雞蛋、蔗糖、麵粉、乳清粉、可可塊、奶粉、大豆卵磷脂、香精
過敏原資訊：蛋類、含麩質穀類物、奶類、大豆類
淨重：57公克
保存期限（未開封）：一年
有效日期：請見標示（西元年/月/日）
製造地：台灣

好食品的創造者！
義美食品股份有限公司
GOOD FOOD PROVIDER
總管理處：台北市信義路二段88號18樓
廠管處：桃園市龜山區中興路九號段1-29樓91號
消費者服務專線：0800-255-888
義美公司網址：www.imei-foods.com

4 7101260 21006

營養標示

每一份量 57 公克 本包裝含 1 份	每份	每100公克
熱量	331大卡	580大卡
蛋白質	6.0公克	10.6公克
脂肪	22.1公克	38.7公克
飽和脂肪	11.7公克	20.5公克
反式脂肪	0公克	0公克
碳水化合物	21.0公克	47.4公克
糖	10.7公克	18.7公克
鈉	71毫克	125毫克

義美小泡芙
巧克力
IMEI
Since 1934
義美小泡芙
CHOCO PUFF
巧克力
3包入
NET WT. 171g (6.03 oz.)
奶蛋素

IMEI
Since 1934
義美小泡芙
巧克力
奶蛋素

I MEI

Since 1934

義美小泡芙

巧克力

品　　名：義美小泡芙（巧克力）
成　　分：植物油（棕櫚油、菜籽油、氫化棕櫚油）甜味劑（麥芽糖醇、麥芽糖醇液、乳糖、結晶果糖、蔗糖）、蛋、蔗糖、麵粉、乳清粉、可可粉、奶粉、大豆卵磷脂、香料、合成香草香精、蛋粉、含乳糖食鹽、奶粉、大豆粉
淨　　重：171公克
保存期限：（未開封）一年
有效日期：請見標示（西元年/月/日）
產 地 製：台灣

義美食品股份有限公司
GOOD FOOD PROVIDER

總管理處：台北市信義路二段88號10樓
營業處：桃園市龜山區中興路九鄰段129巷61號
消費者服務專線：0800-255-899
義美公司網址：www.imei-foods.com

營養標示		
每一份量 57公克		
本包裝含 3份		
	每份	每100公克
熱量	331大卡	581大卡
蛋白質	5.6公克	9.8公克
脂肪	23.1公克	40.7公克
飽和脂肪	11.7公克	20.5公克
反式脂肪	0公克	0公克
總碳水化合物	27.0公克	47.4公克
糖	10.7公克	18.7公克
鈉	71毫克	126毫克

Commodity: I-MEI Puff (Chocolate)
Ingredients: Vegetable oil (palm oil, rapeseed oil, emulsifiers (mono- and diglycerides of fatty acids, propylene glycol esters of fatty acids), antioxidant (mixed tocopherols concentrate)), Egg, Sugar, Wheat flour, Whey powder, Cocoa mass, Milk powder, Soy lecithin, Artificial vanilla flavoring
Net weight: 171g (6.03 oz.)　　Shelf life: One year
Best before: Show on the pack (YYYY.MM.DD)

Manufactured by: I-MEI Foods Co., Ltd
10F., No. 88, Sec. 2, Hsin-Yi Rd., Taipei, Taiwan
http://www.imeifoods.com
Exclusive U.S. agent: Wailong Marketing Inc.
Buena Park, CA 90620, USA
Toll free: (877) 675-8899

Product of Taiwan

4 7101260 21532

Nutrition Facts

3 servings per container
Serving size
1 individual pack (57g)

Calories per serving 330

Amount/serving	% Daily Value*
Total Fat 22g	**28%**
Saturated Fat 12g	**58%**
Trans Fat 0g	
Cholesterol 80mg	**27%**
Sodium 70mg	**3%**

Amount/serving	% Daily Value*
Total Carbohydrate 27g	**10%**
Dietary Fiber 2g	**8%**
Total Sugars 11g	
Includes 9g of Added Sugars	**19%**
Protein 6g	

Vitamin D 0mcg 0%　Calcium 110mg 9%　Iron 1.1mg 6%　Potassium 230mg 6%

*The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.

Ngày 27/06/2022

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG
Giám Đốc Chất Lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA - IMEI

Tên sản phẩm: BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA - IMEI

Thành phần: Dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (Mono và diglycerid của các acid béo, Este của propylen glycol với acid béo), chất chống oxy hóa (Este của propylen glycol với acid béo)), trứng, đường, bột mì, bột whey, ca cao mass, sữa bột, lecithin đậu nành, hương liệu nhân tạo (va ni).

Thông tin nguồn gây dị ứng: Trứng, ngũ cốc chứa gluten, sữa, đậu nành.

Khối lượng tịnh: 57g

Hạn sử dụng (Chưa mở bao bì): 1 năm

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì (Năm/tháng/ngày)

Xuất xứ: Đài Loan

Nhà cung cấp thực phẩm chất lượng

Công ty **TNHH THỰC PHẨM IMEI**

Trụ sở chính: Tầng 10, số 88, khu 2, đường Tín Nghĩa, thành phố Đài Bắc

Nhà máy Long Đàm: Số 91, ngõ 129, khu Cửu Long, đường Trung Hưng, quận Long Đàm, thành phố Đào Viên.

Đường dây nóng phục vụ người tiêu dùng: 0800-255-999

Website công ty Imei: www.imeifoods.com

Thông tin dinh dưỡng		
Mỗi khẩu phần gồm 57g Sản phẩm này gồm 1 khẩu phần		
	Mỗi khẩu phần	Mỗi 100g
Năng lượng	331kcal	580 kcal
Protein	6.0g	10.6g
Chất béo	22.1g	38.7g
Chất béo bão hòa	11.7g	20.5g
Chất béo chuyển hóa	0g	0g
Carbohydrate	27.0g	47.4g
Đường	10.7g	18.7g
Natri	71 mg	125mg

BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA – IMEI

Loại 3 gói

Tên sản phẩm: BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA - IMEI

Thành phần: Dầu thực vật (dầu cọ, dầu hạt cải, chất nhũ hóa (Mono và diglycerid của các acid béo, Este của propylen glycol với acid béo), chất chống oxy hóa (Este của propylen glycol với acid béo)), trứng, đường, bột mì, bột whey, ca cao mass, sữa bột, lecithin đậu nành, hương liệu nhân tạo (va ni).

Thông tin nguồn gây dị ứng: Trứng, ngũ cốc chứa gluten, sữa, đậu nành

Khối lượng tịnh: 171g

Hạn sử dụng (Chưa mở bao bì): 1 năm

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì (Năm/tháng/ngày)

Xuất xứ: Đài Loan

Nhà cung cấp thực phẩm chất lượng

Công ty TNHH THỰC PHẨM IMEI

Trụ sở chính: Tầng 10, số 88, khu 2, đường Tín Nghĩa, thành phố Đài Bắc

Nhà máy Long Đàm: Số 91, ngõ 129, khu Cửu Long, đường Trung Hưng, quận Long Đàm, thành phố Đào Viên.

Đường dây nóng phục vụ người tiêu dùng: 0800-255-999

Website công ty Imei: www.imeifoods.com

Thông tin dinh dưỡng		
Mỗi khẩu phần gồm 57g Sản phẩm này gồm 3 khẩu phần		
	Mỗi khẩu phần	Mỗi 100g
Năng lượng	331kcal	580 kcal
Protein	6.0g	10.6g
Chất béo	22.1g	38.7g
Chất béo bão hòa	11.7g	20.5g
Chất béo chuyển hóa	0g	0g
Carbohydrate	27.0g	47.4g
Đường	10.7g	18.7g
Natri	71 mg	125mg

Tôi, **Quan Huệ Trinh**, Giấy CMND số: 023595340
Cam đoan đã dịch chính xác giấy tờ / văn bản này từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Việt.

Ngày: 08 -07- 2022

Người dịch

Quan Huệ Trinh

Ngày 08 tháng 07 năm 2022,
(Ngày tám tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi hai)
Tại Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Tôi, Nguyễn Khánh Lâm
Là Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận Phú Nhuận
Chứng thực
Bà: Quan Huệ Trinh là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực:.....
Quyển số: 01-SCT/CKND
Ngày: 08 -07- 2022

090008

Phó Trưởng phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Khánh Lâm

Trang/ *Page No*: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220700037-1

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 27/06/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 27/06/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 02/07/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **BÁNH PUFF NHÂN KEM SÔ CÔ LA - IMEI**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		**Chỉ Tiêu Thử Nghiệm**/ *Testing Analysis(s)*	**Kết Quả**/ *Result (s)*	**Đơn Vị**/ *Unit*	**GHPH**/ *LOD*	**Phương Pháp Thử**/ *Test Method*
1	LS	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	LS	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
3	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	MPN/g	0	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)
4	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
5	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
6	LS	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
7	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)
8	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
9	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
10	LS	Aflatoxin B_1 (*) / Aflatoxin B_1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
11	LS	Aflatoxin (tổng B_1,B_2,G_1,G_2) (*) / Aflatoxin (sum of B_1,B_2,G_1,G_2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
12	LS	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện / Not detected	µg/kg	1	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009)

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220700037-1

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
13	LS	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	70	TS-KT-SK-45:2018 (Ref. AOAC 986.17)
14	LS	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	20	TS-KT-SK-42:2018 (Ref. BS EN 15792:2009)

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG